

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo quy định (EC) số 1907/2006

Phiên bản 8.2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất

26.04.2022

Ngày in 16.08.2022

MSDS CHUNG CHO KHỐI EU- KHÔNG CÓ DỮ LIỆU CỤ THỂ CHO TỪNG QUỐC GIA- KHÔNG CÓ DỮ LIỆU OEL

## Phần 1: Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

### 1.1 Nhận dạng của sản phẩm

Tên sản phẩm : Ammonium iron(II) sulfate hexahydrate for analysis  
EMSURE® ISO

Số sản phẩm : 1.03792  
Số Danh Mục : 103792  
Nhãn hiệu : Millipore  
REACH số : 01-2120766164-53-XXXX  
Số CAS : 7783-85-9

### 1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo : Thuốc thử cho nghiên cứu và phát triển

### 1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty : Sigma-Aldrich Pte Ltd  
(Co. Registration No. 199403788W)  
2 Science Park Drive  
#05-01/12 Ascent Building  
SINGAPORE 118222  
SINGAPORE

Điện thoại : +65 6890 6633  
Fax : +65 6890 6639  
Địa chỉ e-mail : TechnicalService@merckgroup.com



## 1.4 Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số Điện thoại Khẩn cấp : 1-800-262-8200

---

## Phần 2: Nhận dạng nguy cơ

### 2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

Không phải là chất hoặc hỗn hợp nguy hại theo quy định (EC) số 1272/2008.

### 2.2 Các yếu tố nhãn

Không phải là chất hoặc hỗn hợp nguy hại theo quy định (EC) số 1272/2008.

### 2.3 Các nguy cơ khác

Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

---

## Phần 3: Thành phần/thông tin về các phụ liệu

### 3.1 Chất

Công thức :  $(\text{NH}_4)_2\text{Fe}(\text{SO}_4)_2 \cdot 6\text{H}_2\text{O}$

Trọng lượng phân tử : 392.14 g/mol

Số CAS : 7783-85-9

Số EC : 233-151-8

Không có thành phần cần được liệt kê dựa trên quy định hiện hành

---

## Phần 4: Các biện pháp sơ cứu

### 4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

#### Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp

Sau khi hít phải: không khí sạch.

#### Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm.

#### Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gỡ bỏ kính áp tròng.



## **Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa**

Sau khi nuốt vào: cho nạn nhân uống nước (nhiều nhất hai cốc). Tham khảo ý kiến bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.

### **4.2 Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này**

Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất được mô tả trên nhãn (tham khảo Phần 2.2) và/hoặc Phần 11.

### **4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt chưa có dữ liệu**

---

## **Phần 5: Các biện pháp cứu hỏa**

### **5.1 Các phương tiện chữa cháy**

#### **Các phương tiện chữa cháy thích hợp**

Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.

#### **Các phương tiện chữa cháy không thích hợp**

Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.

### **5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp**

Nitơ ôxit (NO<sub>x</sub>)

Ôxit lưu huỳnh

Oxit sắt

Không dễ cháy.

Hỏa hoạn có thể gây ra sự biến đổi của:

các oxit ni tơ, Ôxit lưu huỳnh

Đám cháy xung quanh có thể giải phóng hơi nguy hiểm.

### **5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa**

Trong trường hợp hỏa hoạn, đeo các dụng cụ thở cá nhân.

### **5.4 Thông tin khác**

Làm lắng khí, hơi, sương bằng tia bụi nước. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

---

## **Phần 6: Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải**

### **6.1 Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố**

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Tránh hít bụi. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.



Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.

## **6.2 Các cảnh báo về môi trường**

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

## **6.3 Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố**

Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn. Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10).  
Thấm khô. Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng. Tránh tạo ra bụi.

## **6.4 Xem các mục khác**

Để xử lý, xem phần 13.

---

## **Phần 7: Xử lý và lưu trữ**

### **7.1 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm**

Tra cứu các biện pháp phòng ngừa trong phần 2.2.

### **7.2 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào**

#### **Điều kiện lưu trữ**

Đóng chặt. Khô.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

#### **Lớp cất giữ**

Lớp lưu trữ của Đức (TRGS 510): 13: Chất rắn Không Cháy

### **7.3 Sử dụng cụ thể**

Ngoài các mục đích sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không có cách sử dụng cụ thể nào khác được quy định

---

## **Phần 8: Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân**

### **8.1 Các thông số kiểm soát**

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

### **8.2 Kiểm soát phơi nhiễm**

**Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân**

#### **Bảo vệ mắt/mặt**

Sử dụng thiết bị bảo vệ mắt được thử nghiệm và phê duyệt theo tiêu chuẩn phù hợp của chính phủ như NIOSH (Hoa Kỳ) hoặc EN 166(EU). Kính bảo hộ



### **Bảo vệ da**

Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu dụng được chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các hóa chất kha

liên hệ đầy đủ

Vật liệu: Cao su nitrile

Độ dày lớp tối thiểu 0.11 mm

Thời gian thấm: 480 min

vật liệu được thử nghiệm KCL 741 Dermatril® L

tiếp xúc phun

Vật liệu: Cao su nitrile

Độ dày lớp tối thiểu 0.11 mm

Thời gian thấm: 480 min

vật liệu được thử nghiệm KCL 741 Dermatril® L

### **Bảo vệ hô hấp**

bắt buộc khi có bụi.

Các khuyến nghị của chúng tôi về lọc thiết bị bảo vệ hô hấp dựa trên các tiêu chuẩn sau: DIN EN 143, DIN 14387 và các tiêu chuẩn đi kèm khác liên quan đến hệ thống thiết bị bảo vệ hô hấp đã sử dụng.

Loại bộ lọc đề xuất: Bộ lọc loại P1

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thi dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành

### **Kiểm soát việc phơi nhiễm môi trường**

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

---

## **Phần 9: Các tính chất vật lý và hóa học**

### **9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học**

- |                                   |                 |
|-----------------------------------|-----------------|
| a) Trạng thái vật lý              | rắn             |
| b) Màu sắc                        | màu xanh ve     |
| c) Mùi đặc trưng                  | không mùi       |
| d) Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc | chưa có dữ liệu |
| e) Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu    | chưa có dữ liệu |





### 10.3 Phản ứng nguy hiểm

chưa có dữ liệu

### 10.4 Các điều kiện cần tránh

ánh sáng Nước

không có thông tin

### 10.5 Vật liệu không tương thích

chưa có dữ liệu

### 10.6 Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy

xem phần 5 Trong trường hợp hỏa hoạn: xem phần 5

---

## Phần 11: Thông tin độc học

### 11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

#### **Độc cấp tính**

LD50 Đường miệng - Chuột - 3,250 mg/kg

Ghi chú: (RTECS)

(chất khan)

Hít phải: chưa có dữ liệu

Da: chưa có dữ liệu

#### **Ăn mòn/kích ứng da**

chưa có dữ liệu

#### **Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt**

chưa có dữ liệu

#### **Kích thích hô hấp hoặc da**

chưa có dữ liệu

#### **Độc biến tế bào mầm (tế bào gen)**

chưa có dữ liệu

#### **Tác nhân gây ung thư**

chưa có dữ liệu

#### **Độc tính sinh sản**

chưa có dữ liệu

#### **Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn**

chưa có dữ liệu

#### **Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại**

chưa có dữ liệu

#### **Nguy hại hô hấp**

chưa có dữ liệu



## 11.2 thông tin thêm

### Đặc tính phá vỡ nội tiết

#### Sản phẩm:

Đánh giá

Chất/hỗn hợp này không chứa thành phần có các đặc tính gây rối loạn nội tiết theo Điều 57 (f) REACH hoặc theo Quy định Ủy quyền của Ủy ban Châu Âu (EU) 2017/2100 hoặc Quy định của Ủy ban Châu Âu (EU) 2018/605 ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

Theo hiểu biết tốt nhất của chúng tôi, các đặc tính hóa học, vật lý, và độc tính chưa được nghiên cứu kỹ.

---

## Phần 12: Thông tin sinh thái học

### 12.1 Độc tính

Độc đối với cá

LC50 - *Fundulus heteroclitus* (Mummichog) - 315 mg/l - 48 h

Ghi chú: (Cơ sở dữ liệu ECOTOX)

(chất khan)

### 12.2 Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

chưa có dữ liệu

### 12.3 Khả năng tích lũy sinh học

chưa có dữ liệu

### 12.4 Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

### 12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

### 12.6 Đặc tính phá vỡ nội tiết

#### Sản phẩm:

Đánh giá

: Chất/hỗn hợp này không chứa thành phần có các đặc tính gây rối loạn nội tiết theo Điều 57 (f) REACH hoặc theo Quy định Ủy quyền của Ủy ban Châu Âu (EU) 2017/2100 hoặc Quy định của Ủy ban Châu Âu (EU) 2018/605 ở mức 0,1% hoặc cao hơn.







## 15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đối với sản phẩm này, việc đánh giá an toàn hóa chất đã không được thực hiện

---

### Phần 16: Các thông tin khác

#### Thông tin khác

Các thông tin trên được cho là chính xác nhưng không có nghĩa là bao gồm tất cả và chỉ được sử dụng như một hướng dẫn. Thông tin trong tài liệu này dựa trên hiểu biết hiện tại chúng tôi và được áp dụng cho sản phẩm về các biện pháp phòng ngừa an toàn thích hợp. Thông tin này không phải là bảo đảm cho các đặc tính của sản phẩm. Sigma-Aldrich Corporation và các Chi nhánh sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào do quá trình xử lý hoặc do tiếp xúc với sản phẩm trên. Xem [www.sigma-aldrich.com](http://www.sigma-aldrich.com) và/hoặc mặt sau của hóa đơn hoặc phiếu giao hàng để biết thêm các điều khoản và điều kiện bán hàng.

Bản quyền 2020 của Sigma-Aldrich Co. LLC. Giấy phép được cấp để tạo nhiều bản sao bằng giấy cho mục đích sử dụng nội bộ.

Cách xây dựng thương hiệu ở đầu trang hoặc cuối trang của tài liệu này có thể tạm thời không phù hợp trực quan với sản phẩm được mua khi chúng tôi chuyển đổi thương hiệu của mình. Tuy nhiên, tất cả thông tin trong tài liệu liên quan đến sản phẩm vẫn không thay đổi và phù hợp với sản phẩm được đặt hàng. Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ [mlsbranding@sial.com](mailto:mlsbranding@sial.com).

